

Phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay: Khái niệm và tiêu chí đánh giá

Nguyễn Đức Chiện¹

¹ Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email:xhhchien@yahoo.com

Nhận ngày 22 tháng 5 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 8 năm 2019.

Tóm tắt: Phát triển bền vững là vấn đề sớm được thế giới quan tâm, thuật ngữ này cũng được giới khoa học và chính sách ở Việt Nam quan tâm nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn trong những thập niên gần đây. Tuy nhiên, cho đến nay những thảo luận về nội hàm khái niệm và tiêu chí đánh giá trong giới khoa học và chính sách vẫn chưa ngã ngũ, thực tế này đặt ra nhiều câu hỏi cần tiếp tục nghiên cứu trả lời.

Từ khóa: Phát triển bền vững, khái niệm, tiêu chí đánh giá.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Sustainable development is an issue which was started to be paid attention to quite early in the world. Scientists and the circle working on policies in Vietnam have also paid attention to its study and application in reality in recent decades. However, so far, discussions among them on the connotations of the concept and criteria for the evaluation have not yet come to agreed conclusions, which has posed many questions requiring further studies to answer to.

Keywords: Sustainable development, concept, evaluation criteria.

Subject classification: Sociology

1. Mở đầu

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa tư bản tự do phát triển mạnh ở các quốc gia phương Tây, với chiến lược khai thác nhanh nguồn tài nguyên thiên nhiên không được tái tạo, nhằm có được khoản lợi nhuận

khổng lồ trong một thời gian ngắn nhất; mặt khác, quá trình gia tăng dân số, đặc biệt tại các nước đang phát triển và chậm phát triển đã tiêu thụ nguồn năng lượng lớn mà những quốc gia đó chưa kịp tái tạo. Đây là hai trong số các sự kiện quan trọng tạo lên động thái mới trong cuộc sống của xã hội

loài người. Thực tiễn này đòi hỏi nhân loại phải kiến tạo định hình lại mô hình tăng trưởng và phát triển nhằm hướng đến việc điều chỉnh, kiểm soát hành vi con người phải hài hòa hơn trong mối quan hệ với tự nhiên, môi trường và xã hội. Phát triển không cho hiện tại mà còn vì một xã hội tương lai mai sau.

Ngược dòng lịch sử cho thấy những ý tưởng bền vững phát triển sớm xuất hiện trong xã hội loài người. Các nhà triết học tự nhiên Hy Lạp và La Mã cổ đại cho tới những tu sĩ Benedictine thời trung đại, những nhà kinh tế chính trị như Malthus và Ricardo, trong các tác phẩm của mình đã đề cập quan điểm ủng hộ việc sử dụng một cách khôn ngoan và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên [5]. Tuy nhiên, phải đến những thập niên đầu của thế kỷ XX, những hàm ý này mới phát triển, chuyển hoá thành hành động và cao hơn là phong trào xã hội. Tiên phong cho các trào lưu về phát triển bền vững phải kể đến là giới bảo vệ môi trường Tây Âu và Bắc Mỹ.

Vào năm 1915, Ủy ban bảo vệ môi trường Canada được thành lập, nhằm khuyến khích con người tôn trọng những chu kỳ tự nhiên, và cho rằng mỗi thế hệ có quyền khai thác lợi ích từ nguồn vốn thiên nhiên, nhưng nguồn vốn này phải được duy trì nguyên vẹn cho những thế hệ tương lai để họ hưởng thụ và sử dụng theo một cách thức tương tự. Trong báo cáo “Toàn thế giới bảo vệ động vật hoang dã” tại Hội nghị quốc tế về bảo vệ thiên nhiên họp tại Paris (Pháp) năm 1923, Paul Sarasin, nhà bảo vệ môi trường Thụy Sĩ đã biện hộ cho việc cần phải bảo vệ thiên nhiên trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Đặc biệt, mối quan hệ giữa bảo vệ thiên nhiên và sử dụng tài nguyên thiên nhiên

tiếp tục là mối quan tâm hàng đầu của các tổ chức quốc tế kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Các tổ chức Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), và Hội đồng khoa học quốc tế (ICSU)) đã phối hợp chặt chẽ để tìm hiểu diễn biến môi trường tự nhiên, từ đó đưa ra chương trình hành động hướng các quốc gia phát triển theo mô hình bền vững. Năm 1951, UNESCO đã xuất bản một tài liệu đáng lưu ý với tiêu đề *Thực trạng bảo vệ môi trường thiên nhiên trên thế giới vào những năm 1950*. Tài liệu này được cập nhật vào năm 1954 và được coi như một trong những tài liệu quan trọng cho “Hội nghị về môi trường - con người (1972) do Liên Hợp Quốc tổ chức tại Stockholm (Thụy Điển) ², và nó cũng được xem như là “tiền thân” của báo cáo Brundtland ³.

Thập kỷ 70 của thế kỷ XX, thuật ngữ phát triển bền vững tiếp tục được đề cập đến trong các công trình nghiên cứu của các học giả phương Tây, như: *Vòng tròn khép kín* của Barry Commoner (1971), *Kinh tế học nhà nước mạnh* của Herman Daly (1973), và công trình *Những con đường sử dụng năng lượng mềm: về m t nền hoà bình lâu dài* của Amory Lovins (1977)... Đặc biệt khái niệm này được đề cập toàn diện nhất trong công trình *Xây dựng m t xã h i bền vững* của Laster Brown (1981) [1].

Đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, thuật ngữ phát triển bền vững lần đầu tiên được sử dụng trong chiến lược bảo tồn thế giới do hiệp hội bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên quốc tế, Quỹ động vật hoang dã thế giới và Chương trình Môi

trường Liên Hợp Quốc đề xuất, cùng với sự trợ giúp của UNESCO và FAO. Tuy nhiên, phải khẳng định rằng, khái niệm này chính thức phổ biến rộng rãi trên thế giới từ sau báo cáo Brundtland (1987). Kể từ sau báo cáo Brundtland, khái niệm phát triển bền vững trở thành khái niệm chìa khoá giúp các quốc gia xây dựng quan điểm, định hướng, giải pháp tháo gỡ bế tắc trong các vấn đề trong phát triển. Nó cũng được xem là giai đoạn mở đường cho “Hội thảo về phát triển và môi trường của Liên Hợp Quốc và Diễn đàn toàn cầu hoá được tổ chức tại Rio de Janeiro (1992), và Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững tại Johannesburg (2002), Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc năm 2015 thông qua Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững”⁴.

Dựa vào nguồn dữ liệu thứ cấp thu thập được, với cách tiếp cận liên ngành, bài viết này bàn luận về nội hàm khái niệm, tiêu chí đánh giá phát triển bền vững, và gợi mở hướng xây dựng tiêu chí đánh giá đo lường phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Khái niệm “phát triển bền vững” theo Brundtland

Như đã nêu, cho đến nay đã có nhiều quan điểm khác nhau bàn thảo về khái niệm phát triển bền vững, do vậy giới hạn của bài viết này chỉ đề cập đến khái niệm phát triển bền vững theo quan điểm của Liên Hợp Quốc, bắt đầu từ Ủy ban Brundtland: “Phát triển bền vững là sự phát triển thoả mãn những nhu cầu của hiện tại và không phương hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Đó là quá trình phát triển kinh

tế dựa vào nguồn tài nguyên được tái tạo và tôn trọng những quá trình sinh thái cơ bản, sự đa dạng sinh học và những hệ thống trợ giúp tự nhiên đối với cuộc sống của con người, động vật và thực vật” [5]. Qua các bản tuyên bố quan trọng, khái niệm phát triển bền vững tiếp tục mở rộng thêm nội hàm không chỉ dừng lại ở nhân tố sinh thái mà còn đi vào các nhân tố xã hội, con người, nó hàm chứa sự bình đẳng giữa những nước giàu và nghèo, và giữa các thế hệ. Thậm chí, nó còn bao hàm sự cần thiết giải trừ quân bị, coi đây là điều kiện tiên quyết nhằm giải phóng nguồn tài chính cần thiết để áp dụng khái niệm phát triển bền vững (Tuyên bố Alma Ata); Tuyên bố Isilio (Châu Phi) và Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc năm 2015 thông qua Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững, với 17 mục tiêu chung phát triển bền vững và 169 mục tiêu cụ thể được thông qua nhằm đảm bảo cho quá trình hội nhập và liên kết giữa các quốc gia, vì lợi ích chung của mọi người dân, cho thế hệ hôm nay và ngày mai. Nhìn chung, Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững có độ bao phủ chính sách phổ quát, rộng lớn, toàn diện, vì lợi ích của người dân trên toàn thế giới, cho các thế hệ hôm nay và ngày mai. Chương trình nghị sự đã đề ra tầm nhìn chiến lược mới, phản ánh khát vọng chung của toàn nhân loại được sống trong một thế giới hoà bình, an toàn, công bằng tạo khuôn khổ và định hướng mới cho mọi quốc gia trong việc ứng phó các thách thức chung về kinh tế, xã hội và môi trường.

Thực tế, Việt Nam rất quan tâm đến phát triển bền vững, thể hiện ngay từ Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII (1991) cho đến Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII (2016), mục tiêu phát triển đất nước bền vững luôn

được nhấn mạnh. Trong những năm qua Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để thể chế hóa các cam kết với quốc tế: Kế hoạch quốc gia về Môi trường và Phát triển bền vững giai đoạn 1991-2000; đồng thời thành lập hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về môi trường và tài nguyên đến các cấp quận/huyện, phường/xã; tăng cường nguồn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên; lồng ghép vấn đề môi trường trong quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội... [8]. Năm 2012 Chính phủ đã Quyết định phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020, trong đó nhấn mạnh “Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước, kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội” [11].

Năm 2015, trên cơ sở 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc; căn cứ vào điều kiện thực tiễn, khả năng và ưu tiên phát triển trong từng giai đoạn Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “Xây dựng và ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững, muộn nhất trong năm 2018, đảm bảo xây dựng được các chỉ tiêu đánh giá định lượng. Đến năm 2020, hoàn thành cơ sở dữ liệu thống kê phục vụ giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.” [12].

Như vậy, khái niệm Phát triển bền vững được đề cập ban đầu trong báo cáo Brundtland (1983) cho đến Chương trình

nghị sự 2030 (2015), luôn được cập nhật và mở rộng từ quan tâm đến môi trường, kinh tế và cho đến các chiều cạnh xã hội; với một nội hàm rộng và ngày càng đầy đủ các khía cạnh của sự phát triển, không chỉ là nỗ lực nhằm hoà giải kinh tế và môi trường, hay thậm chí phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, mà còn bao hàm những khía cạnh chính trị - quốc phòng, đặc biệt là bình đẳng xã hội được quan tâm. Với ý nghĩa này, nó được xem là “tiếng chuông” hay nói cách khác là “tấm biển hiệu” cảnh báo hành vi của loài người trong thế giới đương đại. Luận điểm then chốt phản ánh bản chất, nội hàm khái niệm phát triển bền vững là phát triển thoả mãn những nhu cầu của hiện tại và không phương hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai, đảm bảo sự ổn định, hài hòa chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quyền bình đẳng... giữa các nhóm trong đời sống xã hội.

Do tính đa dạng và phức tạp của vấn đề phát triển bền vững, nhất là trong bối cảnh các quốc gia và các tổ chức quốc tế đã có nhiều nỗ lực không chỉ trong diễn ngôn mà còn thể hiện mạnh mẽ bằng những hành động cụ thể. Thực tiễn các tranh luận liên quan đến phát triển bền vững, vẫn chưa đi đến hồi kết, cuốn hút mỗi quan tâm ngày càng nhiều của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ; đảng phái chính trị, các nhà tư tưởng, các phong trào xã hội và giới khoa học trên toàn thế giới. Một số quan điểm cho rằng khái niệm Phát triển bền vững mới chỉ dừng lại ở cấp độ lý thuyết mơ hồ, phức tạp và khó áp dụng. Trong khi quan điểm khác thì lại khẳng định khái niệm này khó vận dụng đối với lĩnh vực chính trị, xã hội và văn hóa. Theo quan điểm của chúng tôi khái niệm này đã luôn được cập nhật bổ sung, có những đóng góp nhất định đối với

phát triển bền vững tự nhiên, sinh thái, môi trường, xã hội, văn hóa; sự cần thiết mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên, kinh tế và môi trường, kinh tế và xã hội, kinh tế và văn hóa... Điều quan trọng nhất là việc hiểu, chuyển hóa và vận dụng khái niệm này vào thực tiễn quản lý phát triển bền vững cần có sự linh hoạt, phù hợp với khuôn khổ thể chế, xã hội, văn hóa... của từng địa phương, quốc gia và dân tộc. Cần hạn chế tối thiểu các định kiến, thiên kiến trong việc hiểu và thao tác hóa khái niệm, phải quan tâm hài hòa giữa các chỉ báo trong khái niệm này. Kết hợp vận dụng tri thức khoa học đa liên ngành, xuyên ngành (khoa học tự nhiên, khoa học môi trường, khoa học xã hội và nhân văn... trong việc tham gia đóng góp làm rõ khái niệm phát triển bền vững. Huy động sự tham gia của mọi người dân, thành phần dân tộc, tôn giáo và chủ thể xã hội khác nhau trong việc thao tác hóa khái niệm phát triển bền vững, chuyển hóa khái niệm này vào thực tiễn phát triển. Mỗi một quốc gia, dân tộc trên thế giới có quá trình lịch sử, tri thức bản địa, trình độ phát triển, đặc trưng xã hội và bản sắc văn hóa riêng. Cần coi trọng những giá trị này trong quá trình phát triển bền vững. Việc hiểu và vận dụng khái niệm phát triển bền vững một cách máy móc, đơn chiều có thể sẽ làm phương hại đến các giá trị lịch sử, xã hội, văn hóa của mỗi dân tộc, quốc gia đó và thế giới loài người tương lai sẽ trở nên đơn điệu, mất đi tính đa dạng trong phát triển.

3. Tiêu chí đánh giá phát triển bền vững

Ở Việt Nam, đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến tiêu chí phát

triển bền vững. Đầu tiên là các công trình của giới nghiên cứu môi trường như “Tiến tới môi trường bền vững” của Trung tâm Tài nguyên và Môi trường, Đại học Tổng hợp Hà Nội. Công trình này đã tiếp thu và thao tác hoá khái niệm phát triển bền vững theo báo cáo Brundtland. Cụ thể hoá hệ tiêu chí phát triển bền vững như một tiến trình đòi hỏi sự tiến triển đồng thời của bốn lĩnh vực: bền vững về mặt kinh tế, bền vững về mặt nhân văn, bền vững về mặt môi trường, bền vững về mặt kỹ thuật; “Nghiên cứu xây dựng tiêu chí phát triển bền vững cấp quốc gia ở Việt Nam - giai đoạn 1” (2003) của Viện Môi trường và Phát triển bền vững, Hội Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam tiến hành [14]. Trên cơ sở tham khảo bộ tiêu chí phát triển bền vững của Brundtland, và kinh nghiệm các nước như Trung Quốc, Anh, Mỹ, các tác giả đã thao tác hoá khái niệm với các tiêu chí cụ thể đối với một quốc gia: bền vững kinh tế, bền vững xã hội, và bền vững môi trường. Đồng thời cũng đề xuất một số phương án lựa chọn bộ tiêu chí phát triển bền vững cho Việt Nam. “Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững” (2000) do Lưu Đức Hải và cộng sự tiến hành [4]. Công trình này đã trình bày hệ thống quan điểm lý thuyết và hành động quản lý môi trường cho phát triển bền vững. Định hoá sự phát triển bền vững qua các độ đo: bền vững kinh tế, bền vững môi trường, bền vững văn hoá - tổng quan nhiều mô hình phát triển bền vững, như mô hình 3 vòng tròn kinh tế, xã hội, môi trường giao nhau của Jacobs và Sadler; mô hình tương tác đa lĩnh vực kinh tế, chính trị, hành chính, công nghệ, quốc tế, sản xuất, xã hội của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) (nay là Ủy ban Brundtland) (1987); mô hình liên hệ thống

kinh tế, xã hội, sinh thái của Villen; mô hình 3 nhóm mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường của Ngân hàng Thế giới (WB).

Chủ đề này cũng được bàn luận sôi nổi trong giới khoa học xã hội, đáng chú ý là công trình “Đổi mới chính sách xã hội: Luận cứ và giải pháp” của Phạm Xuân Nam xuất bản năm 1997. Trong công trình này, tác giả đã làm rõ 5 hệ tiêu chí thể hiện quan điểm phát triển bền vững: phát triển xã hội, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, phát triển chính trị, tinh thần, trí tuệ, và cuối cùng là chỉ báo quốc tế về phát triển. Công trình “Xã hội học Việt Nam trước ngưỡng của thế kỷ XXI do tác giả Bùi Đình Thanh công bố năm 2003 cũng chỉ ra 7 tiêu chí cơ bản về phát triển bền vững: chỉ báo kinh tế; xã hội; môi trường; chính trị, tinh thần, trí tuệ; văn hoá; vai trò phụ nữ, và chỉ báo quốc tế. Nhiều công trình bàn về tiêu chí phát triển bền vững cũng được công bố gần đây, chẳng hạn như công trình của tác giả Phạm Thị Thanh Bình công bố gần đây, với tiêu đề “Phát triển bền vững ở Việt Nam: tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển” cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các tiêu chí phát triển bền vững phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tác giả đã đề xuất ba nhóm tiêu chí cơ bản: (1) Phát triển bền vững về kinh tế là phát triển nhanh và an toàn, chất lượng. Phát triển bền vững về kinh tế đòi hỏi sự phát triển của hệ thống kinh tế trong đó cơ hội để tiếp xúc với những nguồn tài nguyên được tạo điều kiện thuận lợi và quyền sử dụng những nguồn tài nguyên thiên nhiên cho các hoạt động kinh tế được chia sẻ một cách bình đẳng; (2) Phát triển bền vững về xã hội được đánh giá bằng các tiêu chí, như chỉ số phát triển con người (HDI), hệ số bình đẳng thu nhập, các chỉ tiêu về giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội,

hưởng thụ văn hóa. Ngoài ra, bền vững về xã hội là sự bảo đảm đời sống xã hội hài hòa; có sự bình đẳng giữa các giai tầng trong xã hội, bình đẳng giới; mức độ chênh lệch giàu nghèo không quá cao và có xu hướng giảm lại; chênh lệch đời sống giữa các vùng miền không lớn; (3) Phát triển bền vững về môi trường là khi sử dụng các yếu tố tự nhiên đó, chất lượng môi trường sống của con người phải được bảo đảm. Đó là bảo đảm sự trong sạch về không khí, nước, đất, không gian địa lý, cảnh quan. Chất lượng của các yếu tố trên luôn cần được coi trọng và thường xuyên được đánh giá kiểm định theo những tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu này có một điểm chung là thao tác hóa khái niệm phát triển bền vững theo Brundtland cũng như cập nhật mở rộng khái niệm phát triển bền vững theo Liên Hợp Quốc. Các tiêu chí về phát triển bền vững về cơ bản đã phản ánh và bao trùm mọi mặt tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội, văn hóa. Điều đáng quan tâm là các tác giả đã có nhiều nỗ lực trong việc thao tác hóa khái niệm để đi đến những chỉ tiêu/chỉ báo và lượng hóa được các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững ở Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, các chỉ tiêu được nêu ra vẫn còn chung chung mang tính liệt kê, sự phù hợp và thích ứng của các chỉ báo này với thực tế Việt Nam, cụ thể là ở các lĩnh vực và cấp độ khác nhau vẫn cần phải xem xét lại, nhất là đặt ra trong bối cảnh Việt Nam chuyển đổi và hội nhập. Hơn nữa, các tiêu chí này vẫn chưa hài hòa giữa định tính và định lượng trong đo lường phát triển bền vững; điều này có thể là trở ngại đối với việc thực hiện phát triển bền vững trong tất cả các lĩnh vực ở Việt Nam hiện nay.

4. Kết luận

Phát triển bền vững đang là vấn đề đặt ra đối với toàn nhân loại. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, quá trình chuyển đổi và hội nhập đang diễn ra sâu rộng, việc quan tâm đến phát triển bền vững không chỉ bảo đảm phát triển đất nước hiện tại mà còn là cơ sở cho ổn định và phát triển lâu dài của đất nước. Khái niệm phát triển bền vững có nội hàm rất rộng, bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau liên quan đến tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội, văn hóa... Vấn đề đặt ra là khi xác định rõ nội hàm khái niệm phát triển bền vững cần phải tiếp tục thao tác khái niệm này theo nhiều cấp độ, đi từ cấp độ khái niệm đa nghĩa trừu tượng “phát triển bền vững” đến những cấp độ tiếp theo ít trừu tượng, đơn nghĩa, đặc biệt là đến cấp độ thấp nhất là các khái niệm con, chi tiết, cụ thể trong từng lĩnh vực liên quan đến môi trường, kinh tế, xã hội. Trong quá trình xác định nội hàm khái niệm cần quan tâm đến góc nhìn của nhiều ngành khoa học, cách tiếp cận đa ngành, xuyên ngành trong việc làm rõ khái niệm này; chú ý đến tính phù hợp, thích ứng với đặc thù của từng lĩnh vực, cấp độ khác nhau. Việc xác định rõ nội hàm khái niệm cũng như triển khai thao tác hóa các khái niệm một cách toàn diện và chính xác sẽ là cơ sở cho phép triển khai áp dụng mô hình phát triển bền vững bao trùm mọi mặt của thực tại mỗi quốc gia hay mỗi địa phương.

Mặt khác, quá trình xác định nội hàm khái niệm và thao tác hóa khái niệm phát triển bền vững chính xác sẽ là cơ sở cho việc xác định các chỉ tiêu cụ thể liên quan đến phát triển bền vững, các chỉ tiêu này có thể định lượng, định tính cân đo, kiểm chứng được trong thực tiễn. Có thể nói,

phát triển bền vững là hệ vấn đề khá phức tạp, cần có tiếp cận đa ngành, liên ngành, xuyên ngành trong việc xây dựng các chỉ tiêu phát triển bền vững bảo đảm tính bao trùm và thích ứng với từng lĩnh vực, cấp độ địa phương hay quốc gia; tránh xu hướng định kiến hay thiên lệch, quá trình này cần có sự tham gia đóng góp không chỉ tri thức của giới khoa học tự nhiên, môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, mà còn cần sự đóng góp của giới lập chính sách, giới quản lý xã hội, thậm chí kể cả cộng đồng, người dân tham gia vào để có thể xác định nội hàm khái niệm phù hợp, tiến hành tuân thủ các bước thao tác hóa khái niệm để đi đến xác định những chỉ tiêu phát triển bền vững ở các cấp độ vĩ mô, vi mô.

Chú thích

² Sự kiện lớn đầu tiên đánh dấu việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là “Hội nghị của Liên Hợp Quốc về môi trường - con người” (1972) họp tại Stockholm (Thụy Điển). Hội nghị này đã xem xét nhu cầu cần có một quan điểm chung và nguyên tắc chung để hướng mọi dân tộc trên thế giới vào quá trình gìn giữ và làm tốt đẹp hơn môi trường sống của con người.

³ Brundtland: do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lập ra vào năm 1983. Ủy ban gồm 6 thành viên phương Tây, 3 thành viên Đông Âu và 12 thành viên thuộc các nước phương Nam.

⁴ Hội nghị Rio de Janeiro về Môi trường và Phát triển (1992), lần đầu tiên khái niệm “phát triển bền vững” được hiểu thống nhất, với sự đồng thuận của 178 quốc gia. Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững (2002) tại Johannesburg (Nam Phi) tiếp tục tái khẳng định các nguyên tắc và văn bản đã được thông qua tại Hội nghị Rio de Janeiro (1992),

đồng thời ra một kế hoạch thực hiện ở cấp độ toàn cầu để đạt được sự phát triển bền vững. Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp Quốc năm 2015, đây là hội nghị lớn nhất của Liên Hợp Quốc từ sau hội nghị năm 2000, thông qua các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG). Văn kiện hội nghị, với 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu phát triển bền vững, là kết quả của quá trình thương lượng tích cực trong hơn hai năm của các nước thành viên Liên Hợp Quốc, được đánh giá là đã đáp ứng được các quan tâm và lợi ích của tất cả các nước, nhất là các nước đang phát triển.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đức Chiện (2005), “Phát triển bền vững: tiền đề lịch sử và nội dung khái niệm”, Tạp chí *Nghiên cứu Con người*, số 1.
- [2] Đảng Cộng Sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh (2000), *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Jean-guy Vaillancourt (2000), “Phát triển bền vững: Nguồn gốc và khái niệm”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
- [6] Phạm Xuân Nam (Chủ biên) (1997), *Đổi mới chính sách xã hội - Luận cứ và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Ngân hàng Thế giới (2003), “Báo cáo phát triển thế giới năm 2003”, *Phát triển bền vững trong môi trường thế giới năng động thay đổi thể chế, tăng trưởng và chất lượng cuộc sống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Phạm Khôi Nguyên (2004), “Môi trường, tài nguyên và phát triển bền vững - cam kết của Việt Nam”, Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
- [9] Bùi Đình Thanh (2000), “Xã hội học trước ngưỡng thế kỷ XXI”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1.
- [10] Thierry de Montbrial & Philippe Moreau Defarges (2003), *Thế giới toàn cảnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 432/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12 tháng 4 năm 2012 về Phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Hà Nội.
- [12] Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10 tháng 5 năm 2017 Về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện hương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*, Hà Nội.
- [13] Lê Trình và Lê Thạc Cán (2003), *Báo cáo đề tài nghiên cứu xây dựng tiêu chí phát triển bền vững cấp quốc gia ở Việt Nam*, Viện Môi trường và Phát triển bền vững, Hội Liên hiệp Khoa học kỹ thuật Việt Nam, Hà Nội.
- [14] Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững (Hội Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam (2003), *Nghiên cứu xây dựng tiêu chí phát triển bền vững cấp quốc gia ở Việt Nam - giai đoạn 1*, Hà Nội.
- [15] Trung tâm Tài nguyên và Môi trường (Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội), (1995), *Tiến tới môi trường bền vững*, Hà Nội.
- [16] Andrew Wedster (1990), *Introduction to the Sociology of Development*, Second Edition, Macmillan Press Ltd, London.
- [17] Jorge Larraín (1998), *Theories of Development, Capitalism, Colonialism and Dependency*, Polity Press, London.
- [18] <http://sis.vnu.edu.vn/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huong-phat-trien/>, truy cập ngày 03 tháng 4 năm 2019.